

**KẾT QUẢ THI NGHỀ PHỔ THÔNG CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
HỘI ĐỒNG 11: THPT HÙNG VƯƠNG**

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
1	200568	1	Nguyễn Lý Khả Ái	8	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.2	Tbình
2	200569	1	Trương Thẩm Ái	27	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.6	Khá
3	200570	1	Hà Tuấn An	30	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.0	Khá
4	200571	1	Huỳnh Quốc Nhật An	28	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.8	Khá
5	200572	1	Lê Hoài An	13	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.4	Khá
6	200573	1	Phạm Trường An	22	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.4	Khá
7	200574	1	Trần Châu An	23	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.8	Tbình
8	200575	1	Châu Bội Anh	3	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.6	Tbình
9	200576	1	Đặng Trâm Anh	21	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	9.0	Giỏi
10	200577	1	Đỗ Hoàng Thái Anh	6	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.4	Khá
11	200578	1	Hồ Đoàn Bảo Anh	30	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	4.8	Hổng
12	200579	1	Huỳnh Vân Anh	29	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.0	Khá
13	200580	1	Lý Hoàng Anh	9	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.2	Tbình
14	200581	1	Nguyễn Doãn Trúc Anh	7	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.8	Tbình
15	200582	1	Nguyễn Đức Vân Anh	13	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	5.4	Tbình
16	200583	1	Nguyễn Ngọc Mai Anh	22	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.2	Tbình
17	200584	1	Huỳnh Ngọc Ánh	17	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.0	Khá
18	200585	1	Bùi Hồ Bản	9	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	5.2	Tbình
19	200586	1	Diệp Quốc Bảo	15	7	2001	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.4	Tbình
20	200587	1	Đặng Quốc Bảo	18	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.2	Khá
21	200588	1	Huỳnh Mã Gia Bảo	23	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.2	Tbình
22	200589	1	Lâm Chí Bảo	19	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.8	Khá
23	200590	1	Nguyễn Chí Bảo	6	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	4.2	Hổng
24	200591	1	Nguyễn Quốc Bảo	31	3	2003	Sóc Trăng	Hùng Vương	Điện	6.2	Tbình
25	200592	1	Kha Tú Bình	8	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.2	Tbình
26	200593	1	Lê Mỹ Bình	17	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.2	Khá
27	200594	1	Võ Thị Hoàn Châu	25	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.8	Khá
28	200595	1	Đặng Thành Công	11	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.6	Tbình
29	200596	2	Phạm Nguyễn Hồng Cương	6	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.8	Tbình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm					
30	200597	2	Trần Hoàng Kiên	Cường	15	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.6	Tbình
31	200598	2	Lưu Hồng	Diễm	6	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.6	Khá
32	200599	2	Lý Vĩ	Diệu	19	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.8	Tbình
33	200600	2	Bô Huệ	Dinh	20	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.2	Khá
34	200601	2	Lâm Phương	Du	26	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.6	Khá
35	200602	2	Phạm Thị Ngọc	Dung	1	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.8	Khá
36	200603	2	Hà Đại	Dũng	18	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.2	Khá
37	200604	2	Nguyễn Hoàng	Duy	27	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.0	Khá
38	200605	2	Nguyễn Hữu	Duy	12	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.0	Khá
39	200606	2	Bàng Kiều Mỹ	Duyên	18	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.6	Khá
40	200607	2	Nguyễn Huỳnh Quang	Đạt	16	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.0	Tbình
41	200608	2	Trần Đạt	Đạt	5	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.4	Khá
42	200609	2	Tham Vĩ	Đức	4	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.2	Khá
43	200610	2	Nguyễn Hoàng Trường	Hạ	27	5	2003	Đồng Tháp	Hùng Vương	Điện	6.8	Tbình
44	200611	2	Lê Nhựt	Hào	28	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.8	Khá
45	200612	2	Lư Tịnh	Hào	23	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.6	Khá
46	200613	2	Phan Như	Hảo	23	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.0	Khá
47	200614	2	Phạm Thị Ngọc	Hằng	13	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.2	Khá
48	200615	2	Lê Nguyễn Bảo	Hân	31	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.4	Khá
49	200616	2	Nguyễn Ngọc Gia	Hân	28	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.8	Khá
50	200617	2	Phù Huỳnh Ngọc	Hân	2	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	5.2	Tbình
51	200618	2	Tăng Ngọc	Hân	24	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.2	Khá
52	200619	2	Trần Ngọc Gia	Hân	5	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.0	Khá
53	200620	2	Tô Thanh	Hậu	4	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.6	Khá
54	200621	2	Dương Thái	Hiền	5	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.0	Khá
55	200622	2	Phạm Thị Thúy	Hiền	24	12	2003	Tiền Giang	Hùng Vương	Điện	6.4	Tbình
56	200623	2	Văn Bửu	Hiền	15	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.4	Tbình
57	200624	3	Cao Thái	Hiền	22	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.6	Tbình
58	200625	3	Nhữ Trần Ngọc	Hiếu	22	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.0	Khá
59	200626	3	Đặng Thị Xuân	Hòa	22	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	5.2	Tbình
60	200627	3	Ngô Dung	Hòa	6	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	3.4	Hồng
61	200628	3	Nguyễn Khải	Hoàn	7	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	5.4	Tbình
62	200629	3	Trần Thanh	Hồng	19	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	9.4	Giỏi
63	200630	3	Trần Gia	Huệ	14	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	3.4	Hồng
64	200631	3	Đỗ Mạnh	Hùng	1	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.8	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm					
65	200632	3	Vũ Hoàng Việt	Hùng	26	6	2003	Nam Định	Hùng Vương	Điện	5.2	Tbình
66	200633	3	Dương Gia	Huy	9	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.0	Khá
67	200634	3	Lê Anh	Huy	15	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.6	Khá
68	200635	3	Ngô Gia	Huy	8	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.2	Tbình
69	200636	3	Nguyễn Trần Bích	Huyền	17	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	5.4	Tbình
70	200637	3	Trần Lê Thanh	Huyền	4	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.2	Khá
71	200638	3	Trần Thị Ngọc	Huyền	16	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.8	Tbình
72	200639	3	Lê Quốc	Hung	22	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.6	Khá
73	200640	3	Nguyễn	Hung	28	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	5.4	Tbình
74	200641	3	Lê Nguyên	Khang	21	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	9.0	Giỏi
75	200642	3	Nguyễn Tiến	Khang	28	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.6	Tbình
76	200643	3	Trần Phúc	Khang	25	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.4	Tbình
77	200644	3	Võ Phúc	Khang	21	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	5.8	Tbình
78	200645	3	Phạm Lê Công	Khanh	28	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	5.6	Tbình
79	200646	3	Nguyễn Quốc	Khánh	20	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.6	Tbình
80	200647	3	Phạm Quốc	Khánh	26	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.0	Tbình
81	200648	3	Châu Đăng	Khoa	20	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.2	Khá
82	200649	3	Hà Sỹ	Khôi	3	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.4	Khá
83	200650	3	Võ Đăng	Khôi	3	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.0	Khá
84	200651	3	Huỳnh Nguyễn Thụy	Khuê	21	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.4	Khá
85	200652	4	Cao Trung	Kiên	16	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.2	Khá
86	200653	4	Nguyễn Đình Nhất	Kiên	7	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.4	Tbình
87	200654	4	Lê Tuấn	Kiệt	19	7	2003	Tiền Giang	Hùng Vương	Điện	8.2	Khá
88	200655	4	Nguyễn Tuấn	Kiệt	9	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.8	Khá
89	200656	4	Phan Văn	Kiệt	15	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	5.0	Tbình
90	200657	4	Nguyễn Hoàng Đăng	Kim	20	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.0	Khá
91	200658	4	Nguyễn Phúc Thiên	Kim	25	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.4	Khá
92	200659	4	Nguyễn Viết	Ký	14	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.8	Khá
93	200660	4	Châu Hà Minh	Lạc	10	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.2	Khá
94	200661	4	Lê Tăng Hoàng	Lan	9	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	9.4	Giỏi
95	200662	4	Nguyễn Chánh	Lâm	28	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	9.0	Giỏi
96	200663	4	Nguyễn Lộc	Liên	21	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.0	Khá
97	200664	4	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	2	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.0	Khá
98	200665	4	Nùng Thúy	Linh	27	8	2003	Cần Thơ	Hùng Vương	Điện	7.2	Khá
99	200666	4	Phạm Thị Mỹ	Linh	12	10	2003	Trà Vinh	Hùng Vương	Điện	7.0	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
100	200667	4	Trịnh Khiết Linh	1	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.0	Khá
101	200668	4	Võ Thị Yến Linh	24	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.0	Khá
102	200669	4	Vũ Hữu Linh	5	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.0	Khá
103	200670	4	Nguyễn Thị Ánh Loan	23	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	5.2	Tbình
104	200671	4	Nguyễn Bảo Long	3	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.6	Khá
105	200672	4	Huỳnh Khánh Luân	25	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	5.0	Tbình
106	200673	4	Huỳnh Thanh Luân	5	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.6	Tbình
107	200674	4	Đào Văn Lượng	18	10	2003	Quảng Ngãi	Hùng Vương	Điện	6.0	Tbình
108	200675	4	Nguyễn Ngọc Trúc Ly	28	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	5.0	Tbình
109	200676	4	Trần Ái Lynh	26	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.0	Khá
110	200677	4	Phạm Ngọc Xuân Mai	1	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	4.4	Hổng
111	200678	4	Dương Quý Mi	10	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	9.6	Giỏi
112	200679	4	Dương Hiếu Minh	26	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.6	Khá
113	200680	5	Lâm Ngọc Minh Minh	15	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.2	Tbình
114	200681	5	Phạm Lê Gia Minh	7	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.8	Tbình
115	200682	5	Phong Đạt Minh	19	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.8	Tbình
116	200683	5	Trần Gia Minh	10	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.6	Khá
117	200684	5	Trần Gia Minh	6	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.8	Khá
118	200685	5	Trần Quang Minh	13	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.2	Tbình
119	200686	5	Trần Tuấn Minh	31	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.6	Khá
120	200687	5	Trịnh Tuấn Minh	9	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.6	Khá
121	200688	5	Đặng Thị Kim Mơ	29	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.2	Khá
122	200689	5	Nguyễn Trần Kiều My	19	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.6	Khá
123	200690	5	Tăng Thị Phụng My	11	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	5.4	Tbình
124	200691	5	Đoàn Ngọc Mỹ	15	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.2	Tbình
125	200692	5	Trương Huỳnh Mỹ	10	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.4	Tbình
126	200693	5	Đoàn Thị Tuyết Ngân	20	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.8	Tbình
127	200694	5	Huỳnh Ngọc Ngân	1	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.2	Tbình
128	200695	5	Huỳnh Thái Ngân	8	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.2	Tbình
129	200696	5	Lê Hoàng Khánh Ngân	24	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.4	Khá
130	200697	5	Nguyễn Thị Mỹ Ngân	7	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	5.2	Tbình
131	200698	5	Nguyễn Yến Ngân	28	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.8	Tbình
132	200699	5	Trần Kim Ngân	3	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.4	Tbình
133	200700	5	Trần Nguyễn Thuý Ngân	20	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.0	Khá
134	200701	5	Trương Trinh Ngân	3	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.6	Tbình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm					
135	200702	5	Võ Võ Triệu	Ngân	5	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.0	Khá
136	200703	5	Thái Thực	Nghi	4	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.4	Khá
137	200704	5	Trần Hoàng Thiên	Nghi	15	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.8	Tbình
138	200705	5	Trịnh Trung	Nghĩa	13	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.2	Tbình
139	200706	5	Lưu Quán	Nghiệp	1	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.4	Khá
140	200707	5	Hà Minh	Ngọc	21	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	5.4	Tbình
141	200708	6	Lý Quang Hồng	Ngọc	22	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.2	Khá
142	200709	6	Nguyễn Huỳnh Minh	Ngọc	28	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.0	Khá
143	200710	6	Nguyễn Lê Bích	Ngọc	6	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.8	Khá
144	200711	6	Phu Quảng	Ngọc	29	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.4	Khá
145	200712	6	Trần Lê Bảo	Ngọc	5	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.6	Tbình
146	200713	6	Huỳnh Thị Ngọc	Nguyên	14	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.8	Khá
147	200714	6	Lê Kim	Nguyên	16	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.8	Tbình
148	200715	6	Lê Nguyễn Hoàng	Nguyên	13	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.0	Khá
149	200716	6	Phan Tuấn	Nguyên	24	9	2003	Bến Tre	Hùng Vương	Điện	9.0	Giỏi
150	200717	6	Trần Nguyễn Phúc	Nguyên	10	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.2	Tbình
151	200718	6	Hồ Thị Thanh	Nhàn	14	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.6	Khá
152	200719	6	Lâm Quý	Nhân	16	8	2003	Kiên Giang	Hùng Vương	Điện	7.4	Khá
153	200720	6	Nguyễn Trọng	Nhân	22	1	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.2	Khá
154	200721	6	Lê Đình	Nhật	15	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.4	Tbình
155	200722	6	Diệp Bội	Nhi	22	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.4	Khá
156	200723	6	Lê Tuyết	Nhi	19	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	5.2	Tbình
157	200724	6	Lý Tuyết	Nhi	27	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.0	Khá
158	200725	6	Nguyễn Lê Uyên	Nhi	18	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.2	Khá
159	200726	6	Nguyễn Mai Trúc	Nhi	16	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.2	Tbình
160	200727	6	Nguyễn Sương	Nhi	26	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.0	Khá
161	200728	6	Phạm Ngọc Yến	Nhi	13	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	5.8	Tbình
162	200729	6	Trần Quỳnh	Nhi	7	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.6	Khá
163	200730	6	Trần Yến	Nhi	2	4	2003	Đà Nẵng	Hùng Vương	Điện	7.2	Khá
164	200731	6	Chung Khả	Nhu	29	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.2	Khá
165	200732	6	Đào Tuyết	Nhung	17	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.8	Khá
166	200733	6	Lê Ngọc	Nhung	14	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.2	Khá
167	200734	6	Trang Sỏi	Nhung	27	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.6	Khá
168	200735	6	Cao Thanh	Như	13	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	5.8	Tbình
169	200736	7	Hứa Tâm	Như	11	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	5.4	Tbình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm					
170	200737	7	Ngô Xuân	Như	24	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.6	Khá
171	200738	7	Nguyễn Quỳnh	Như	4	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.6	Khá
172	200739	7	Quan Mỹ	Như	8	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.2	Tbình
173	200740	7	Nguyễn Quốc	Nhật	25	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.4	Tbình
174	200741	7	Võ Hoàng Ni	Ni	28	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	4.2	Hổng
175	200742	7	Lê Hoài	Phong	14	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.8	Khá
176	200743	7	Hà Gia	Phú	26	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.0	Khá
177	200744	7	Nguyễn Hoàng	Phú	4	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.4	Tbình
178	200745	7	Trương Cao Mạnh	Phú	12	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.4	Khá
179	200746	7	Đỗ Nguyễn Hoàng	Phúc	7	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	4.6	Hổng
180	200747	7	Vũ Lê Hồng	Phúc	4	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.6	Khá
181	200748	7	Vũ Trần Hoàng	Phúc	11	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	5.8	Tbình
182	200749	7	Lý Kim	Phụng	22	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.4	Tbình
183	200750	7	Trần Hoàng	Phụng	21	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.6	Khá
184	200751	7	Trần Ngọc Mỹ	Phụng	4	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	5.4	Tbình
185	200752	7	Trần Thị Kim	Phước	6	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	4.6	Hổng
186	200753	7	Huỳnh Nguyễn Thanh	Phương	4	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	4.6	Hổng
187	200754	7	Huỳnh Thị Lan	Phương	20	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.6	Khá
188	200755	7	Phạm Thị Ngọc	Phương	1	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.6	Khá
189	200756	7	Trần Thị Hồng	Phương	24	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.8	Tbình
190	200757	7	Tô Minh	Quang	6	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.4	Khá
191	200758	7	Nguyễn Minh	Quân	20	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.4	Khá
192	200759	7	Nguyễn Vũ Hương	Quân	19	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	4.6	Hổng
193	200760	7	Phạm Minh	Quân	14	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	5.6	Tbình
194	200761	7	Lê Ngọc	Quế	21	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.2	Khá
195	200762	7	Lê Trang Hồng	Quế	13	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.6	Tbình
196	200763	7	Nguyễn Minh Dương	Quốc	17	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.2	Tbình
197	200764	8	Châu Ngọc	Quyên	11	11	2003	Tiền Giang	Hùng Vương	Điện	8.2	Khá
198	200765	8	Đạm Phương	Quyên	5	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.8	Tbình
199	200766	8	Nguyễn Bích	Quyên	1	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.6	Khá
200	200767	8	Nguyễn Trần Như	Quỳnh	16	2	2003	Phú Yên	Hùng Vương	Điện	6.6	Tbình
201	200768	8	Đặng Uyển	Sâm	17	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.8	Khá
202	200769	8	Nguyễn Hồng	Son	31	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	4.8	Hổng
203	200770	8	Lê Thanh	Tâm	21	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.0	Khá
204	200771	8	Nguyễn Huỳnh Minh	Tâm	22	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	2.8	Hổng

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm					
205	200772	8	Phạm Hồng Minh	Tâm	23	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.0	Tbình
206	200773	8	Lý Hoài	Tân	16	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.2	Khá
207	200774	8	Trần Phước	Tân	14	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.6	Khá
208	200775	8	Phạm Mỹ	Thanh	14	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.0	Tbình
209	200776	8	Nguyễn Công	Thành	1	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.4	Khá
210	200777	8	Trương Gia	Thành	6	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.4	Khá
211	200778	8	Lê Thiên	Thảo	1	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.2	Khá
212	200779	8	Phạm Thanh	Thảo	24	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.6	Khá
213	200780	8	Ngô Gia	Thắng	8	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.2	Khá
214	200781	8	Nguyễn Hà Vinh	Thắng	14	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.6	Tbình
215	200782	8	Bùi Phạm Thanh	Thế	3	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.0	Khá
216	200783	8	Lê Đỗ Cao	Thị	10	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	4.8	Hồng
217	200784	8	Lương Quốc	Thiện	5	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.2	Khá
218	200785	8	Nguyễn Trọng	Thiện	14	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.6	Tbình
219	200786	8	Nguyễn Xuân	Thiện	20	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.6	Khá
220	200787	8	Bùi Tiến	Thịnh	19	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	3.4	Hồng
221	200788	8	Hoàng Gia	Thịnh	2	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.0	Khá
222	200789	8	Trần Đức	Thông	5	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.2	Khá
223	200790	8	Giang Gia	Thuận	26	9	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.4	Tbình
224	200791	8	Huỳnh Trung	Thuận	21	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.0	Khá
225	200792	9	Đoàn Lân	Thúy	1	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.4	Tbình
226	200793	9	Nguyễn Ngọc Thanh	Thủy	14	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.4	Khá
227	200794	9	Nguyễn Phúc Vĩnh	Thụy	7	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.4	Khá
228	200795	9	Đoàn Lê Anh	Thư	30	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.2	Khá
229	200796	9	Huỳnh Anh	Thư	20	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.6	Tbình
230	200797	9	Lê Võ Song	Thư	11	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.4	Khá
231	200798	9	Nguyễn Anh	Thư	5	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.8	Tbình
232	200799	9	Nguyễn Anh	Thư	19	6	2003	Cà Mau	Hùng Vương	Điện	4.8	Hồng
233	200800	9	Nguyễn Minh	Thư	14	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.2	Khá
234	200801	9	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	24	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.2	Khá
235	200802	9	Trần Khánh	Thy	8	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.2	Khá
236	200803	9	Lê Thị Mỹ	Tiên	24	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.8	Khá
237	200804	9	Phạm Thị Thủy	Tiên	25	12	2003	Long An	Hùng Vương	Điện	7.2	Khá
238	200805	9	Lê Anh	Tiến	1	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.6	Khá
239	200806	9	Lý Quán	Tiến	14	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.2	Tbình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
240	200807	9	Trần Mạnh Tiến	24	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.6	Tbình
241	200808	9	Huỳnh Trọng Tín	12	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.6	Tbình
242	200809	9	Trần Trọng Tín	10	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.0	Khá
243	200810	9	Dịp Khải Toàn	25	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	4.6	Hồng
244	200811	9	Nguyễn Vĩnh Toàn	7	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.0	Tbình
245	200812	9	Đỗ Lê Thanh Trang	4	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.2	Khá
246	200813	9	Nguyễn Thị Thu Trang	24	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	5.2	Tbình
247	200814	9	Lê Nguyễn Bích Trâm	19	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.6	Tbình
248	200815	9	Nguyễn Hồng Phương Trâm	30	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.6	Khá
249	200816	9	Trần Lê Phương Trâm	31	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.4	Khá
250	200817	9	Trần Thị Bảo Trâm	4	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.2	Khá
251	200818	9	Dương Kim Hồng Trân	15	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.0	Khá
252	200819	9	Nguyễn Khải Trân	21	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.4	Khá
253	200820	10	Trần Huyền Trân	18	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	9.0	Giỏi
254	200821	10	Trần Huỳnh Ngọc Trân	25	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.6	Khá
255	200822	10	Ong Gia Trí	27	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.8	Khá
256	200823	10	Nguyễn Phạm Thanh Triết	26	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	5.8	Tbình
257	200824	10	Nguyễn Phương Minh Triết	28	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.0	Khá
258	200825	10	Đoàn Nguyễn Thanh Trúc	13	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	3.6	Hồng
259	200826	10	Nguyễn Thành Trung	16	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.2	Khá
260	200827	10	Trần Lê Đức Tú	3	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.2	Khá
261	200828	10	Trần Minh Ngọc Tú	11	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.0	Khá
262	200829	10	Trần Hoàng Tuấn	5	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.2	Khá
263	200830	10	Trần Hữu Tuấn	12	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.6	Khá
264	200831	10	Võ Quốc Tuấn	5	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.2	Khá
265	200832	10	Ngô Phạm Thanh Tùng	6	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.2	Khá
266	200833	10	Nguyễn Thái Tùng	7	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.2	Khá
267	200834	10	Trần Đặng Quang Tỷ	1	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	3.0	Hồng
268	200835	10	Đào Trần Phương Uyên	24	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.2	Khá
269	200836	10	Nguyễn Trần Lê Uyên	20	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.8	Tbình
270	200837	10	Huỳnh Trọng Văn	28	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.0	Tbình
271	200838	10	Nguyễn Thái Như Vân	13	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.2	Khá
272	200839	10	Phan Thị Thanh Vân	11	11	2003	Bến Tre	Hùng Vương	Điện	8.2	Khá
273	200840	10	Trần Phước Ngọc Vân	13	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.6	Tbình
274	200841	10	Phạm Lê Anh Vũ	26	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.8	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
275	200842	10	Phạm Nguyên Vũ	12	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.4	Tbình
276	200843	10	Mai Võ Anh Vương	12	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	4.6	Hổng
277	200844	10	Cao Đỗ Trúc Vy	27	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.6	Tbình
278	200845	10	Huỳnh Ngọc Vy	25	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	4.8	Hổng
279	200846	10	Lê Vy	23	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.6	Khá
280	200847	10	Phan Huỳnh Tường Vy	8	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	8.2	Khá
281	200848	11	Trần Ái Vy	22	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	5.0	Tbình
282	200849	11	Trần Võ Thanh Vy	25	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.6	Tbình
283	200850	11	Trịnh Gia Vy	28	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.2	Tbình
284	200851	11	Võ Tường Vy	3	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	7.4	Khá
285	200852	11	Nguyễn Tường Vỹ	1	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.0	Tbình
286	200853	11	Ngô Ngọc Như Ý	17	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	4.0	Hổng
287	200854	11	Tạ Lý Hồng Yến	8	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.4	Tbình
288	200855	11	Trần Kim Yến	9	6	2003	Sóc Trăng	Hùng Vương	Điện	6.6	Tbình
289	200856	11	Trần Ngọc Yến	22	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.8	Tbình
290	200857	11	Nhan Sing Ying	2	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Điện	6.6	Tbình
291	401272	12	Đàm Thiên An	30	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.8	Tbình
292	401273	12	Đỗ Ngọc Thùy An	25	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.2	Khá
293	401274	12	Huỳnh Thanh An	28	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.4	Tbình
294	401275	12	Trần Ngọc Thi An	20	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.0	Tbình
295	401276	12	Huỳnh Ngọc Phương Anh	27	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.4	Tbình
296	401277	12	Lê Quốc Anh	25	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.4	Tbình
297	401278	12	Lê Quỳnh Anh	9	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.8	Tbình
298	401279	12	Lê Trần Bảo Anh	2	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.0	Tbình
299	401280	12	Mai Võ Hồng Anh	25	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.0	Khá
300	401281	12	Nguyễn Đức Xuân Anh	29	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.0	Khá
301	401282	12	Nguyễn Minh Anh	19	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.4	Khá
302	401283	12	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	16	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.4	Tbình
303	401284	12	Nguyễn Quỳnh Anh	24	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.0	Khá
304	401285	12	Trần Thanh Vân Anh	15	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.2	Tbình
305	401286	12	Trần Tuyết Anh	3	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.4	Khá
306	401287	12	Trương Minh Anh	2	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	4.4	Hổng
307	401288	12	Đồng Nguyễn Ngọc Ánh	1	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.8	Tbình
308	401289	12	Nguyễn Ngô Nguyệt Ánh	12	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.8	Tbình
309	401290	12	Phạm Thị Ngọc Ánh	1	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.4	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
310	401291	12	Trần Vĩnh Ân	24	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.0	Khá
311	401292	12	Đỗ Nguyên Bảo	17	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.6	Tbình
312	401293	12	Nguyễn Hoàng Quốc Bảo	19	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.8	Tbình
313	401294	12	Trần Gia Bảo	3	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	3.6	Hổng
314	401295	12	Cao Thị Ngọc Bích	8	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.4	Tbình
315	401296	12	Trần Đức Bình	16	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.6	Tbình
316	401297	12	Trương Thiên Nghệ Cẩn	28	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.4	Khá
317	401298	12	Đoàn Ngọc Minh Châu	11	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.6	Khá
318	401299	12	Nguyễn Hồng Ngọc Châu	22	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.2	Khá
319	401300	13	Lý Bích Chi	2	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.0	Tbình
320	401301	13	Vũ Minh Chương	15	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.6	Tbình
321	401302	13	Phạm Công Danh	24	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.8	Tbình
322	401303	13	Nguyễn Ngọc Lan Di	27	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.4	Tbình
323	401304	13	Tăng Khiết Dinh	5	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.0	Khá
324	401305	13	Lai Hoàng Minh Dũng	18	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.6	Tbình
325	401306	13	Mai Hoàng Duy	24	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.8	Tbình
326	401307	13	Nguyễn Lê Bảo Duy	9	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.6	Tbình
327	401308	13	Trần Ngọc Đào	8	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.8	Tbình
328	401309	13	Huỳnh Tấn Đạt	7	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.8	Tbình
329	401310	13	Lê Thành Đạt	4	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.0	Tbình
330	401311	13	Ông Minh Đạt	3	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.6	Khá
331	401312	13	Nguyễn Hoàng Đức	22	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	4.4	Hổng
332	401313	13	Nguyễn Lê Hồng Gấm	25	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.0	Tbình
333	401314	13	Nguyễn Thùy Giang	30	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.2	Khá
334	401315	13	Lâm Thục Hà	19	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.0	Khá
335	401316	13	Đào Công Hào	3	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.8	Tbình
336	401317	13	Huỳnh Nam Hào	30	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.6	Khá
337	401318	13	Lý Phát Hào	13	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.4	Tbình
338	401319	13	Vì Chấn Hào	16	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.4	Tbình
339	401320	13	Lê Diễm Hằng	2	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.0	Tbình
340	401321	13	Nìm Chi Hằng	1	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.4	Tbình
341	401322	13	Phạm Thanh Hằng	13	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	8.0	Khá
342	401323	13	Giang Mỹ Hân	16	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.6	Tbình
343	401324	13	Kha Gia Hân	30	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.0	Tbình
344	401325	13	Vũ Hoàng Gia Hân	3	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.2	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
345	401326	13	Tiêu Trọng Đức Hậu	2	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.6	Tbình
346	401327	13	Hà Xuân Hiền	10	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.8	Khá
347	401328	14	Nguyễn Như Hiền	21	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.4	Tbình
348	401329	14	Nguyễn Thế Hiệp	13	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.6	Tbình
349	401330	14	Lê Hồng Hiếu	26	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.0	Tbình
350	401331	14	Nguyễn Trọng Hiếu	5	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.2	Tbình
351	401332	14	Lưu Lệ Hoa	31	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.4	Tbình
352	401333	14	Hà Phan Huy Hoàng	26	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.2	Khá
353	401334	14	Lê Tôn Hoàng	23	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.0	Tbình
354	401335	14	Mạch Tấn Hùng	17	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.8	Tbình
355	401336	14	Nguyễn Phú Quỳnh Hương	27	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.8	Tbình
356	401337	14	Đoàn Liêng Quang Huy	9	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	4.6	Hông
357	401338	14	Ngô Tuấn Huy	19	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.4	Tbình
358	401339	14	Nguyễn Gia Huy	26	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.4	Tbình
359	401340	14	Trần Đăng Huy	17	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.2	Tbình
360	401341	14	Trịnh Gia Huy	27	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.8	Tbình
361	401342	14	Ông Tuấn Hưng	18	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.0	Khá
362	401343	14	Quách Lễ Kha	2	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	4.4	Hông
363	401344	14	Phan Quang Khải	6	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.0	Khá
364	401345	14	Trương Tuấn Khải	9	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.6	Tbình
365	401346	14	Thái Quốc Khang	1	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	4.0	Hông
366	401347	14	Trần Hoàng Khang	25	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.8	Tbình
367	401348	14	Võ Chí Khang	8	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.2	Tbình
368	401349	14	Bùi Ngọc Thy Khanh	12	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.8	Tbình
369	401350	14	Lương Bá Nguyên Khanh	14	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.2	Tbình
370	401351	14	Trương Ngọc Khanh	27	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.6	Tbình
371	401352	14	Đào Nguyễn Kim Khánh	19	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.8	Tbình
372	401353	14	Hồng Trọng Khánh	20	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.8	Tbình
373	401354	14	Ngô Quốc Khánh	2	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.4	Tbình
374	401355	14	Nguyễn Hoàng Ngọc Khánh	28	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.0	Khá
375	401356	15	Đỗ Xuân Anh Khoa	5	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.4	Tbình
376	401357	15	Hùynh Anh Khoa	16	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.0	Tbình
377	401358	15	Lê Nguyễn Đăng Khoa	19	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.2	Tbình
378	401359	15	Nguyễn Anh Khôi	12	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.4	Khá
379	401360	15	Vũ Đăng Khôi	12	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.2	Tbình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
380	401361	15	Châu Trí Kiện	21	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.0	Tbình
381	401362	15	Hà Gia Lạc	12	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.0	Tbình
382	401363	15	Ngô Lê Khánh Lam	8	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.2	Tbình
383	401364	15	Võ Hiếu Lễ	15	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.8	Tbình
384	401365	15	Châu Gia Linh	31	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.8	Tbình
385	401366	15	Châu Hân Linh	26	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.0	Tbình
386	401367	15	Nguyễn Hà Nhã Linh	13	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.4	Tbình
387	401368	15	Nguyễn Hoàng Phương Linh	1	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.6	Khá
388	401369	15	Trần Yến Linh	27	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.6	Tbình
389	401370	15	Huỳnh Tấn Lộc	26	3	2003	Kiên Giang	Hùng Vương	Nấu ăn		
390	401371	15	Trần Lê Tấn Lộc	12	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	4.4	Hồng
391	401372	15	Võ Phước Lộc	6	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.8	Tbình
392	401373	15	Thạch Thành Lợi	11	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.2	Tbình
393	401374	15	Cao Vĩ Luân	11	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.4	Khá
394	401375	15	Bùi Lê Trúc Ly	22	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.4	Tbình
395	401376	15	Huỳnh Tuyết Mai	13	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.4	Tbình
396	401377	15	Huỳnh Bá Mẫn	12	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.0	Khá
397	401378	15	Nguyễn Triệu Mẫn	27	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.8	Tbình
398	401379	15	Châu Hoàng Minh	12	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.8	Tbình
399	401380	15	Điền Nguyễn Thiên Minh	8	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.6	Tbình
400	401381	15	Lê Huy Minh	22	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.2	Tbình
401	401382	15	Châu Hải My	4	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.8	Tbình
402	401383	15	Trần Vũ Trà My	21	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.2	Tbình
403	401384	16	Lai Gia Mỹ	21	6	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.2	Tbình
404	401385	16	Trần Hoàng Nam	16	10	2003	Cần Thơ	Hùng Vương	Nấu ăn	6.4	Tbình
405	401386	16	Trần Thanh Nam	7	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.6	Tbình
406	401387	16	Vũ Phi Nam	17	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.2	Tbình
407	401388	16	Vũ Quỳnh Nga	5	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.4	Tbình
408	401389	16	Nguyễn Thụy Kim Ngân	19	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.8	Tbình
409	401390	16	Nguyễn Trần Bảo Ngân	17	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.0	Tbình
410	401391	16	Phạm Kim Ngân	21	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.4	Tbình
411	401392	16	Võ Thị Thanh Ngân	18	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.0	Khá
412	401393	16	Nguyễn Trí Nghĩa	23	11	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.0	Tbình
413	401394	16	Phạm Trọng Nghĩa	9	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.8	Tbình
414	401395	16	Khương Quý Ngọc	10	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.2	Tbình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
415	401396	16	Lê Kim Ngọc	2	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.4	Khá
416	401397	16	Lê Nguyễn Bảo Ngọc	20	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.0	Tbình
417	401398	16	Lê Thị Minh Ngọc	10	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.8	Tbình
418	401399	16	Nguyễn Bảo Minh Ngọc	11	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.6	Tbình
419	401400	16	Nguyễn Trần Kim Ngọc	26	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.8	Tbình
420	401401	16	Phạm Thị Như Ngọc	23	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.0	Tbình
421	401402	16	Trần Bảo Ngọc	14	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.4	Tbình
422	401403	16	Trương Bảo Ngọc	24	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.4	Tbình
423	401404	16	Trần Thiên Nhạc	3	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.2	Tbình
424	401405	16	Dư Trọng Nhân	26	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.4	Tbình
425	401406	16	Nguyễn Minh Nhật	21	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.2	Khá
426	401407	16	Đặng Mẫn Nhi	21	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.6	Tbình
427	401408	16	Huỳnh Mẫn Nhi	9	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.6	Khá
428	401409	16	Lưu Bảo Nhi	19	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.8	Tbình
429	401410	16	Lý Ngọc Nhi	12	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.6	Tbình
430	401411	16	Ngô Uyển Nhi	21	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.8	Tbình
431	401412	17	Nguyễn Hồng Uyển Nhi	21	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.0	Tbình
432	401413	17	Nguyễn Kim Yến Nhi	26	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	4.8	Hồng
433	401414	17	Nguyễn Ngọc Thanh Nhi	13	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.8	Tbình
434	401415	17	Nguyễn Phương Nhi	9	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.8	Tbình
435	401416	17	Nguyễn Phương Thiên Nhi	19	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.8	Khá
436	401417	17	Nguyễn Trương Ý Nhi	14	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.0	Khá
437	401418	17	Nhan Nguyễn Nhi	19	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.2	Tbình
438	401419	17	Võ Lý Tuyết Nhi	7	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.8	Khá
439	401420	17	Đàm Hữu Nhiên	28	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	4.8	Hồng
440	401421	17	Đỗ Thị Hồng Nhung	18	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.8	Tbình
441	401422	17	Đỗ Thị Phương Nhung	29	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.4	Khá
442	401423	17	Nguyễn Thị Ngọc Nhung	4	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.2	Khá
443	401424	17	Dung Trần Tuyết Như	25	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.0	Khá
444	401425	17	Lê Huỳnh Ái Như	1	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.6	Tbình
445	401426	17	Mạc Uyển Như	5	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn		
446	401427	17	Nguyễn Ngọc Như	1	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	4.6	Hồng
447	401428	17	Thiều Thị Quỳnh Như	12	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.6	Tbình
448	401429	17	Trần Hồ Quỳnh Như	20	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.2	Khá
449	401430	17	Trương Ngọc Yến Như	21	10	2003	Đồng Nai	Hùng Vương	Nấu ăn	4.6	Hồng

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
450	401431	17	Vạn Quế Như	6	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.8	Tbình
451	401432	17	Ngô Tấn Phát	4	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.4	Khá
452	401433	17	Triệu Cường Phát	6	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.6	Tbình
453	401434	17	Trương Thuận Phát	10	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.0	Tbình
454	401435	17	Mai Phạm Hoàng Phú	6	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.0	Tbình
455	401436	17	Tạ Tiến Phú	15	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.8	Tbình
456	401437	17	Nguyễn Thiên Phúc	13	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.2	Khá
457	401438	17	Trịnh Huy Phúc	11	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.8	Tbình
458	401439	17	Võ Nguyễn Hoàng Phúc	7	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.4	Tbình
459	401440	18	Lương Kim Phụng	29	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.4	Tbình
460	401441	18	Lý Mỹ Phụng	30	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.6	Khá
461	401442	18	Tô Gia Phụng	29	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.0	Khá
462	401443	18	Phạm Huỳnh Lan Phương	31	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.2	Khá
463	401444	18	Trịnh Trần Tuyết Phương	13	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.6	Tbình
464	401445	18	Trần Ngọc Tú Quang	5	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	4.8	Hổng
465	401446	18	Huỳnh Minh Quân	2	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.6	Tbình
466	401447	18	Huỳnh Tổ Quân	8	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.2	Tbình
467	401448	18	Tăng Hồ Minh Quân	5	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.6	Tbình
468	401449	18	Huỳnh Chánh Quý	6	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.2	Khá
469	401450	18	Lê Huỳnh Như Quỳnh	20	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.6	Tbình
470	401451	18	Ngô Việt Xuân Quỳnh	5	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.6	Tbình
471	401452	18	Nguyễn Lê Thục Quỳnh	2	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn		
472	401453	18		9	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.4	Tbình
473	401454	18	Võ Thành Tài	30	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.0	Tbình
474	401455	18	Dương Thanh Tâm	12	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	8.0	Khá
475	401456	18	Huỳnh Trọng Tâm	21	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	4.2	Hổng
476	401457	18	Phạm Mỹ Tâm	20	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.2	Tbình
477	401458	18	Trần Thanh Tâm	17	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.0	Tbình
478	401459	18	Quách Minh Tân	1	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.2	Tbình
479	401460	18	Phạm Thái Thanh	19	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.6	Tbình
480	401461	18	Diệp Cẩm Thành	18	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	4.8	Hổng
481	401462	18	Huỳnh Tuấn Thành	2	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	4.4	Hổng
482	401463	18	Nguyễn Đức Thành	16	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.6	Tbình
483	401464	18	Trần Quốc Thành	7	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.6	Tbình
484	401465	18	Ngô Lê Thắng	11	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.0	Tbình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm					
485	401466	18	Từ Bội	Thi	7	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	4.8	Hồng
486	401467	18	Ngô Trịnh Đức	Thiên	25	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.0	Khá
487	401468	19	Nguyễn Lê Thanh	Thiên	18	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.6	Tbình
488	401469	19	Hứa Khắc Minh	Thịnh	26	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.4	Tbình
489	401470	19	Nguyễn Lâm Hưng	Thịnh	12	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.2	Tbình
490	401471	19	Nguyễn Thị Kim	Thoa	15	6	2003	Sóc Trăng	Hùng Vương	Nấu ăn	7.0	Khá
491	401472	19	Nguyễn Vũ Minh	Thoại	11	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.6	Tbình
492	401473	19	Phạm Duy	Thông	18	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	4.8	Hồng
493	401474	19	Đỗ Quốc	Thống	21	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.8	Tbình
494	401475	19	Nguyễn Thị	Thu	15	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.0	Tbình
495	401476	19	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	11	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	4.6	Hồng
496	401477	19	Lê Thị Thu	Thủy	25	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.6	Tbình
497	401478	19	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	19	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.6	Tbình
498	401479	19	Hồ Thị Minh	Thy	18	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.8	Tbình
499	401480	19	Phan Ka	Thy	11	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.2	Tbình
500	401481	19	Lê Thị Cẩm	Tiên	2	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.0	Khá
501	401482	19	Lý Gia	Tiến	8	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.8	Tbình
502	401483	19	Thái Vĩnh	Tiến	7	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.2	Tbình
503	401484	19	Trần Quyết	Tiến	14	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.2	Khá
504	401485	19	Trần Minh	Toàn	9	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	4.6	Hồng
505	401486	19	Nguyễn Thanh	Trà	12	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.2	Tbình
506	401487	19	Ngô Thị Ngọc	Trang	17	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.8	Tbình
507	401488	19	Nguyễn Phạm Thùy	Trang	21	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.4	Tbình
508	401489	19	Thạch Thảo	Trang	17	12	2003	Bạc Liêu	Hùng Vương	Nấu ăn	6.4	Tbình
509	401490	19	Huỳnh Ngọc	Trâm	14	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.2	Tbình
510	401491	19	Trần Thị Mỹ	Trâm	11	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.2	Tbình
511	401492	19	Nguyễn Anh Bảo	Trân	18	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.8	Tbình
512	401493	19	Trịnh Minh	Trí	2	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.6	Tbình
513	401494	19	Hà Trung	Triển	12	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.2	Tbình
514	401495	19	Phan Minh	Triết	28	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.6	Tbình
515	401496	20	Huỳnh Nguyễn Lan	Trình	31	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.4	Tbình
516	401497	20	Mai Mỹ	Trình	2	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.8	Tbình
517	401498	20	Nguyễn Hoàng Ngọc	Trình	26	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.0	Khá
518	401499	20	Võ Hoàng Tuyết	Trình	8	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.4	Tbình
519	401500	20	Huỳnh Ngọc Thanh	Trúc	1	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.2	Tbình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
520	401501	20	Nguyễn Ngọc Phương Trúc	13	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.0	Tbình
521	401502	20	Nguyễn Thị Thanh Trúc	1	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.2	Tbình
522	401503	20	Trương Tiểu Trúc	18	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.8	Tbình
523	401504	20	Võ Ngọc Thanh Trúc	22	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.6	Tbình
524	401505	20	Phạm Nguyễn Tín Trung	11	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	4.4	Hổng
525	401506	20	Trần Anh Tú	8	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.0	Tbình
526	401507	20	Dương Hoàng Tuấn	13	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.0	Tbình
527	401508	20	Đoàn Nhựt Tuấn	18	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.0	Tbình
528	401509	20	Lư Anh Tuấn	11	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.6	Tbình
529	401510	20	Dương Ngọc Tuyết	17	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.2	Tbình
530	401511	20	Huỳnh Hạo Văn	30	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.4	Khá
531	401512	20	Trần Tuệ Thanh Vân	3	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.4	Tbình
532	401513	20	Huỳnh Gia Vĩ	28	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	4.6	Hổng
533	401514	20	Diệp Chí Vinh	8	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.0	Tbình
534	401515	20	Hồ Ý Vy	4	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.8	Tbình
535	401516	20	Huỳnh Trần Yến Vy	4	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.4	Khá
536	401517	20	Hứa Lan Vy	10	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.4	Tbình
537	401518	20	Lê Khánh Tường Vy	26	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.4	Tbình
538	401519	20	Mai Lan Vy	21	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	7.0	Khá
539	401520	20	Nguyễn Thanh Vy	14	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.4	Tbình
540	401521	20	Phan Nguyễn Phương Vy	6	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.0	Tbình
541	401522	20	Trần Thanh Vy	26	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.6	Tbình
542	401523	20	Trịnh Nghiêu Vy	19	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.4	Tbình
543	401524	21	Lê Thanh Xuân	15	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.4	Tbình
544	401525	21	Hoàng Ngọc Yến	8	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.8	Tbình
545	401526	21	Nguyễn Phương Yến	16	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	5.8	Tbình
546	401527	21	Trương Huệ Yến	17	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Nấu ăn	6.4	Tbình
547	802769	22	Dư Kiến An	19	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.0	Khá
548	802770	22	Dương Mỹ Anh	13	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.2	Khá
549	802771	22	Đinh Nguyễn Vân Anh	18	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.6	Tbình
550	802772	22	Hoàng Trần Phương Anh	3	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.8	Tbình
551	802773	22	Huỳnh Mỹ Anh	30	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.0	Khá
552	802774	22	Lê Ngọc Phương Anh	15	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.4	Tbình
553	802775	22	Lê Thị Kim Anh	5	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.6	Khá
554	802776	22	Lưu Mỹ Anh	9	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.8	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
555	802777	22	Nguyễn Chiêu Anh	7	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.8	Khá
556	802778	22	Nguyễn Dương Hoàng Anh	29	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.4	Khá
557	802779	22	Nguyễn Hoàng Minh Anh	6	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.4	Khá
558	802780	22	Nguyễn Hồng Anh	2	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.2	Khá
559	802781	22	Nguyễn Hồng Diệu Anh	27	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.4	Tbình
560	802782	22	Nguyễn Mộng Kim Anh	13	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	9.2	Giỏi
561	802783	22	Nguyễn Ngọc Hồng Anh	26	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.2	Khá
562	802784	22	Nguyễn Ngọc Phương Anh	7	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.6	Tbình
563	802785	22	Nguyễn Ngọc Phương Anh	1	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.6	Tbình
564	802786	22	Nguyễn Ngọc Tú Anh	24	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.8	Tbình
565	802787	22	Phan Ngọc Anh	13	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.0	Khá
566	802788	22	Phan Trần Phương Anh	10	6	2003	Bến Tre	Hùng Vương	Tin học	6.2	Tbình
567	802789	22	Phùng Thị Kim Anh	14	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.0	Khá
568	802790	22	Trần Hoàng Ngọc Anh	20	5	2003	Long An	Hùng Vương	Tin học	6.8	Tbình
569	802791	22	Trần Mỹ Anh	14	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.2	Khá
570	802792	22	Trần Tú Anh	19	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.4	Tbình
571	802793	22	Trần Tú Anh	15	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.8	Tbình
572	802794	22	Vũ Hà Vân Anh	27	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.2	Khá
573	802795	22	Trương Ngọc Ánh	5	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.8	Tbình
574	802796	22	Trương Ngọc Ánh	4	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.4	Khá
575	802797	23	Ngô Lăng Từ Ân	3	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.0	Tbình
576	802798	23	Nguyễn Hùng Minh Ân	20	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.0	Khá
577	802799	23	Phạm Đào Thiên Ân	13	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.4	Khá
578	802800	23	Hoàng Thái Bảo	20	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.8	Khá
579	802801	23	Kha Minh Bảo	17	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học		
580	802802	23	Lâm Gia Bảo	21	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.4	Khá
581	802803	23	Nguyễn Nhật Bảo	13	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.0	Khá
582	802804	23	Nguyễn Quốc Bảo	1	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	9.0	Giỏi
583	802805	23	Trần Quốc Bảo	2	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	9.2	Giỏi
584	802806	23	Trần Thiên Bảo	17	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.6	Tbình
585	802807	23	Trương Nguyễn Thái Bảo	15	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.6	Khá
586	802808	23	Văn Trần Gia Bảo	14	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.6	Tbình
587	802809	23	Vương Gia Bảo	17	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.6	Khá
588	802810	23	Phạm Ngọc Khánh Băng	12	12	2003	Cà Mau	Hùng Vương	Tin học	4.2	Hồng
589	802811	23	Lê Nguyễn Thái Bình	22	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.0	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
590	802812	23	Trần Lê Thuý Bình	13	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.2	Tbình
591	802813	23	Tân Quốc Cang	26	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.8	Khá
592	802814	23	Trần Ngọc Chăm	11	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.2	Khá
593	802815	23	Huỳnh Quí Châu	4	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	4.4	Hồng
594	802816	23	Nguyễn Ngọc Châu	30	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.8	Tbình
595	802817	23	Mã Kim Chi	5	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.0	Khá
596	802818	23	Trần Thị Kim Chi	10	1	2003	Bình Định	Hùng Vương	Tin học	7.2	Khá
597	802819	23	Gang Vĩ Chí	20	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	2.4	Hồng
598	802820	23	Nguyễn Minh Chiến	14	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học		
599	802821	23	Lương Sĩ Chương	14	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.6	Khá
600	802822	23	Lê Huy Cường	2	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.6	Khá
601	802823	23	Mai Xuân Diễn	9	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.0	Tbình
602	802824	23	Phạm Thái Điều	23	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.4	Tbình
603	802825	24	Giang Bửu Dinh	16	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.8	Khá
604	802826	24	Hậu Tuyết Dinh	22	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.6	Khá
605	802827	24	Trần Tuấn Dĩnh	23	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.6	Tbình
606	802828	24	Phó Thúy Doanh	4	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.4	Khá
607	802829	24	Huỳnh Thị Ngọc Dung	17	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.8	Tbình
608	802830	24	Ông Văn Bội Dung	4	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.8	Khá
609	802831	24	Tan Mỹ Dung	21	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.4	Khá
610	802832	24	Huỳnh Minh Duy	11	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.0	Tbình
611	802833	24	Lâm Võ Thanh Duy	4	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	3.6	Hồng
612	802834	24	Ngô Thanh Duy	11	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	3.4	Hồng
613	802835	24	Nguyễn Nhất Duy	5	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.8	Tbình
614	802836	24	Nguyễn Phạm Hoàng Duy	6	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	4.4	Hồng
615	802837	24	Nguyễn Thanh Tuấn Duy	13	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học		
616	802838	24	Lê Thị Ngọc Duyên	9	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.2	Tbình
617	802839	24	Liu Mỹ Duyên	25	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.2	Tbình
618	802840	24	Ngô Mỹ Duyên	23	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.6	Khá
619	802841	24	Trần Thế Duyên	31	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.0	Khá
620	802842	24	Nguyễn Kim Dự	31	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.6	Tbình
621	802843	24	Nguyễn Thái Thùy Dương	10	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.2	Khá
622	802844	24	Trịnh Ánh Dương	15	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.2	Khá
623	802845	24	Phạm Thị Trang Đài	9	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.4	Khá
624	802846	24	Trần Song Linh Đan	2	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.0	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
625	802847	24	Bùi Tiến Đạt	11	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.0	Tbình
626	802848	24	Đồng Minh Đạt	17	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.8	Tbình
627	802849	24	Huỳnh Phát Đạt	4	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.0	Tbình
628	802850	24	Lý Thuận Đạt	13	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.6	Tbình
629	802851	24	Trần Tuấn Đạt	31	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.6	Tbình
630	802852	24	Huỳnh Hải Đăng	18	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.6	Tbình
631	802853	25	Nhan Tu Đình	25	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.8	Khá
632	802854	25	Nguyễn Triệu Khánh	26	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.8	Tbình
633	802855	25	Đỗ Thành Đức	10	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.6	Tbình
634	802856	25	Nguyễn Ngô Hoàng	6	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.4	Khá
635	802857	25	Hồ Mỹ Giang	22	3	2003	An Giang	Hùng Vương	Tin học	7.0	Khá
636	802858	25	Lương Trúc Giang	19	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.2	Tbình
637	802859	25	Nguyễn Nhuệ Giang	12	12	2003	Bắc Giang	Hùng Vương	Tin học	7.2	Khá
638	802860	25	Nguyễn Thị Quỳnh Giao	9	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.4	Tbình
639	802861	25	Lê Thị Ngọc Giàu	4	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.2	Khá
640	802862	25	Lê Mỹ Hà	16	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.2	Tbình
641	802863	25	Trần Nguyễn Ngọc Hà	19	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.8	Tbình
642	802864	25	Hà Tuấn Hàn	1	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.8	Khá
643	802865	25	Nguyễn Nhật Hào	20	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.4	Tbình
644	802866	25	Trần Tâm Hảo	5	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.6	Tbình
645	802867	25	Lương Tất Tuyết Hằng	13	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.4	Khá
646	802868	25	Huỳnh Kỳ Hân	4	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học		
647	802869	25	Lee Tư Hân	22	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.4	Khá
648	802870	25	Nguyễn Lý Gia Hân	23	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.8	Khá
649	802871	25	Phan Nguyễn Ngọc Hân	28	1	2003	Vĩnh Long	Hùng Vương	Tin học	8.0	Khá
650	802872	25	Phùng Thị Ngọc Hân	28	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.6	Khá
651	802873	25	Trần Nguyễn Ngọc Hân	19	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.0	Khá
652	802874	25	Nguyễn Thị Thanh Hiền	29	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.8	Tbình
653	802875	25	Nguyễn Thị Thu Hiền	26	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.6	Khá
654	802876	25	Phạm Thiếu Hiền	2	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.0	Khá
655	802877	25	Văn Diệu Hiền	25	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.8	Tbình
656	802878	25	Trần Phước Hiền	27	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.2	Khá
657	802879	25	Trần Nhật Hiệp	17	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.6	Khá
658	802880	25	Lý Xuân Hiều	3	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.8	Khá
659	802881	26	Nguyễn Trung Hiều	20	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.6	Tbình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
660	802882	26	Nguyễn Văn Hiếu	20	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.2	Khá
661	802883	26	Võ Thanh Hiếu	17	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.0	Khá
662	802884	26	Lý Thiên Hoa	10	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.0	Khá
663	802885	26	Trần Thúy Hoa	14	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.2	Khá
664	802886	26	Dương Thiệu Hoàng	20	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.2	Khá
665	802887	26	Nguyễn Huy Hoàng	24	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học		
666	802888	26	Quách Tuấn Hoàn	4	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.0	Khá
667	802889	26	Nguyễn Trần Bách Hợp	22	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	4.8	Hồng
668	802890	26	Lâm Ngân Huệ	20	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.8	Tbình
669	802891	26	Phạm Tuấn Hùng	10	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.6	Tbình
670	802892	26	Trần Việt Hùng	20	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.0	Khá
671	802893	26	Chang Khánh Huy	8	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.6	Khá
672	802894	26	Đỗ Quang Huy	21	1	2003	Thanh Hóa	Hùng Vương	Tin học	5.6	Tbình
673	802895	26	Lâm Gia Huy	26	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.2	Khá
674	802896	26	Luân Đức Huy	8	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.6	Tbình
675	802897	26	Nguyễn Anh Huy	19	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.4	Tbình
676	802898	26	Nguyễn Dương Kiến Huy	7	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.2	Khá
677	802899	26	Trương Gia Huy	6	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.8	Tbình
678	802900	26	Vũ Anh Huy	16	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.2	Khá
679	802901	26	Vũ Quốc Huy	4	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học		
680	802902	26	Nguyễn Thị Thu Huyền	2	6	2003	Hà Nam	Hùng Vương	Tin học	6.0	Tbình
681	802903	26	Thái Thị Ngọc Huyền	16	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.8	Tbình
682	802904	26	Đinh Hoàng Hưng	2	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.8	Tbình
683	802905	26	Thái Thành Hưng	10	2	2003	Long An	Hùng Vương	Tin học	7.2	Khá
684	802906	26	Trần Lê Quỳnh Hương	29	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học		
685	802907	26	Bùi Minh Hữu	28	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.8	Khá
686	802908	26	Cao Hoàng Khải	10	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.2	Tbình
687	802909	27	Bùi Quốc Khang	17	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	4.8	Hồng
688	802910	27	Chung Ngọc Hoàng Khang	17	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.4	Khá
689	802911	27	Đinh Phạm Phú Khang	21	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.6	Khá
690	802912	27	Đinh Vương Khang	16	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	2.6	Hồng
691	802913	27	Lê Hoàng Khang	5	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.8	Tbình
692	802914	27	Liên Chí Khang	15	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.4	Khá
693	802915	27	Ngô Đình Khang	26	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.8	Tbình
694	802916	27	Phùng Đăng Khang	3	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.0	Tbình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm					
695	802917	27	Trần Huỳnh Khang		10	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học		
696	802918	27	Lý Nam Kháng		14	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.6	Khá
697	802919	27	Nguyễn Hữu Hoàng Khanh		30	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học		
698	802920	27	Nguyễn Trương Mai Khanh		12	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.0	Tbình
699	802921	27	Ngô Đăng Khoa		30	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.8	Tbình
700	802922	27	Nguyễn Hồng Đăng Khoa		20	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.4	Tbình
701	802923	27	Nguyễn Minh Khoa		10	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.2	Khá
702	802924	27	Phạm Huỳnh Đăng Khoa		14	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.0	Khá
703	802925	27	Trần Anh Khoa		16	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học		
704	802926	27	Cao Minh Khôi		6	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học		
705	802927	27	Hồ Thanh Khôi		5	12	2003	Đồng Tháp	Hùng Vương	Tin học		
706	802928	27	La Nguyễn Đăng Khôi		17	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.0	Khá
707	802929	27	Trần Hữu Anh Khôi		20	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.4	Khá
708	802930	27	Lao Hoàng Kiên		6	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.0	Khá
709	802931	27	Đoàn Trọng Kiệt		4	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.2	Tbình
710	802932	27	Hồ Tuấn Kiệt		18	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.8	Tbình
711	802933	27	Lê Anh Kiệt		3	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.4	Tbình
712	802934	27	Lê Vũ Kiệt		1	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.4	Tbình
713	802935	27	Lý Vĩ Kiệt		21	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.4	Tbình
714	802936	27	Nguyễn Đình Anh Kiệt		17	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.0	Khá
715	802937	28	Phạm Tuấn Kiệt		15	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.8	Tbình
716	802938	28	Lê Thị Thanh Kiều		15	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	3.6	Hổng
717	802939	28	Giang Tiểu Kim		15	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học		
718	802940	28	Lê Nhã Kỳ		16	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.8	Tbình
719	802941	28	Ngô Tú Lan		19	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.2	Tbình
720	802942	28	Cao Phương Linh		17	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.4	Tbình
721	802943	28	Dương Thùy Linh		28	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.0	Khá
722	802944	28	Đỗ Kiều Phương Linh		11	10	2003	Tiền Giang	Hùng Vương	Tin học	5.8	Tbình
723	802945	28	Đỗ Mỹ Linh		15	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.4	Khá
724	802946	28	Hoàng Lê Ngọc Linh		31	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.4	Khá
725	802947	28	Lưu Tiểu Linh		24	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.8	Khá
726	802948	28	Nguyễn Phương Linh		29	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.8	Tbình
727	802949	28	Nguyễn Thụy Mỹ Linh		23	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.4	Khá
728	802950	28	Phạm Diệu Linh		17	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.8	Tbình
729	802951	28	Phạm Nhật Linh		2	7	2003	Bến Tre	Hùng Vương	Tin học	6.4	Tbình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm					
730	802952	28	Thái Bội	Linh	13	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.2	Khá
731	802953	28	Tô Ngọc	Linh	7	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.0	Khá
732	802954	28	Vũ Yến	Linh	6	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.2	Khá
733	802955	28	Phùng Tiểu	Loan	8	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.0	Khá
734	802956	28	Nguyễn Hoàng	Long	12	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.8	Tbình
735	802957	28	Đặng Phước	Lộc	26	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.2	Khá
736	802958	28	Hồ Diên	Lộc	9	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.8	Tbình
737	802959	28	Nguyễn Thiều Tấn	Lộc	12	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.0	Khá
738	802960	28	Nguyễn Thành	Lợi	26	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.6	Tbình
739	802961	28	Nguyễn Quan	Lượng	11	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.0	Khá
740	802962	28	Triệu Minh	Lượng	19	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.4	Tbình
741	802963	28	Lê Phạm Phương	Mai	3	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học		
742	802964	28	Nguyễn Huỳnh	Mai	6	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.4	Khá
743	802965	29	Nguyễn Ngọc	Mai	20	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.4	Tbình
744	802966	29	Nguyễn Thị Thanh	Mai	12	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.8	Khá
745	802967	29	Trần Phạm Quỳnh	Mai	4	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.0	Khá
746	802968	29	Dương Tuyền	Mẫn	29	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.6	Khá
747	802969	29	Huỳnh Du	Mẫn	23	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.2	Khá
748	802970	29	Huỳnh Phạm Minh	Mẫn	24	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.0	Tbình
749	802971	29	Phùng Gia	Mẫn	22	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.6	Khá
750	802972	29	Lê Nguyễn Song	Mi	4	12	2003	Tiền Giang	Hùng Vương	Tin học	8.2	Khá
751	802973	29	Tô Phụng	Mi	24	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.0	Tbình
752	802974	29	Huỳnh Ngọc	Minh	29	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.6	Tbình
753	802975	29	Lê	Minh	13	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học		
754	802976	29	Trần Nguyễn Công	Minh	9	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.2	Khá
755	802977	29	Hà Tiểu	My	6	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.8	Tbình
756	802978	29	Nguyễn Ngọc Trà	My	31	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.8	Tbình
757	802979	29	Võ Ngọc Hà	My	2	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.2	Tbình
758	802980	29	Dịp Mỹ	Mỹ	5	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	4.8	Hổng
759	802981	29	Đỗ Kim	Mỹ	21	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.2	Khá
760	802982	29	Nguyễn Trần Gia	Mỹ	18	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	4.4	Hổng
761	802983	29	Huỳnh Sử	Nam	6	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.4	Tbình
762	802984	29	Ngô Quốc	Nam	1	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.8	Tbình
763	802985	29	Nguyễn Khoa	Nam	2	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.4	Khá
764	802986	29	Nguyễn Trọng Phương	Nam	8	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.4	Tbình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
765	802987	29	Trần Quốc Nam	27	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.6	Khá
766	802988	29	Trương Hà Hào	2	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.4	Khá
767	802989	29	Võ Nhật	19	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.6	Khá
768	802990	29	Đặng Thúy Nga	11	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.0	Khá
769	802991	29	Đặng Chí Bảo	18	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.0	Tbình
770	802992	29	Đặng Thị Thanh	28	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.8	Khá
771	802993	30	Huỳnh Diệp Như	6	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.2	Khá
772	802994	30	Lê Ngọc Tuyết	11	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.8	Tbình
773	802995	30	Nguyễn Hà Kim	22	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.6	Tbình
774	802996	30	Nguyễn Lưu Kim	16	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.6	Tbình
775	802997	30	Nguyễn Thị Kim	31	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.4	Tbình
776	802998	30	Nguyễn Thị Kim	17	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.6	Tbình
777	802999	30	Nguyễn Thị Thanh	18	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.2	Tbình
778	803000	30	Nguyễn Triệu	13	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.6	Tbình
779	803001	30	Huỳnh Mỹ	12	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.8	Tbình
780	803002	30	Lâm Gia	18	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.8	Khá
781	803003	30	Nguyễn Hiếu	31	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.6	Khá
782	803004	30	Lý Khải	28	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.2	Khá
783	803005	30	Châu Mỹ	18	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.2	Khá
784	803006	30	Huỳnh Hồng Bảo	7	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.8	Khá
785	803007	30	Lương Hoàng Bảo	21	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.8	Tbình
786	803008	30	Nguyễn Ái Minh	20	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.8	Khá
787	803009	30	Nguyễn Hoàng Minh	27	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.8	Tbình
788	803010	30	Trần Ái	6	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.8	Tbình
789	803011	30	Bùi Nguyễn Anh	27	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.6	Tbình
790	803012	30	Nguyễn Đỗ Phúc	3	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.0	Khá
791	803013	30	Vương Đình	24	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.8	Tbình
792	803014	30	Lạc Thu	13	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.4	Khá
793	803015	30	Lê Thị Thanh	7	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.4	Khá
794	803016	30	Phạm Minh	11	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.8	Tbình
795	803017	30	Đào Thanh	15	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	9.0	Giỏi
796	803018	30	Lê Đặng Hoàng	2	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.4	Tbình
797	803019	30	Nguyễn Hoàng	7	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học		
798	803020	30	Lê Minh	20	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.6	Tbình
799	803021	31	Nguyễn Minh	7	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.4	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
800	803022	31	Trần Minh Nhật	25	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.8	Tbình
801	803023	31	Châu Uyên Nhi	13	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.8	Tbình
802	803024	31	Đỗ Ngọc Yến	13	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.4	Khá
803	803025	31	Hồ Tường Nhi	13	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.4	Tbình
804	803026	31	Hồng Yến Nhi	12	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.0	Khá
805	803027	31	Lê Huỳnh Ngọc Nhi	31	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học		
806	803028	31	Lê Thị Yến Nhi	21	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.8	Tbình
807	803029	31	Liêu Mỹ Nhi	28	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.8	Khá
808	803030	31	Lưu Tuyết Nhi	8	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.8	Tbình
809	803031	31	Ngô Ngọc Uyên Nhi	22	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.8	Tbình
810	803032	31	Nguyễn Thị Thảo Nhi	21	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	4.8	Hồng
811	803033	31	Nguyễn Trang Khánh Nhi	29	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.6	Khá
812	803034	31	Nguyễn Võ Minh Nhi	26	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.2	Tbình
813	803035	31	Ông Gia Nhi	20	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.8	Tbình
814	803036	31	Trần Ngọc Nhi	4	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.8	Khá
815	803037	31	Trương Bảo Nhi	1	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.2	Khá
816	803038	31	Trương Nguyệt Nhi	8	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.8	Khá
817	803039	31	Võ Trần Thảo Nhi	8	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	4.2	Hồng
818	803040	31	Huỳnh Ngọc Như	31	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.4	Tbình
819	803041	31	Lê Bạch Quỳnh Như	6	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học		
820	803042	31	Mai Quỳnh Như	12	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.4	Khá
821	803043	31	Nguyễn Hồ Minh Như	22	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.2	Khá
822	803044	31	Nguyễn Huỳnh Minh Như	16	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.8	Tbình
823	803045	31	Phạm Nguyễn Minh Như	29	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.8	Tbình
824	803046	31	Phùng Thị Diễm Như	29	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.4	Tbình
825	803047	31	Nguyễn Hoàng Oanh	6	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.2	Tbình
826	803048	31	Trần Bảo Oanh	25	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.0	Khá
827	803049	32	Dương Đông Phát	11	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.2	Khá
828	803050	32	Đinh Tấn Phát	1	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học		
829	803051	32	Huỳnh Tấn Phát	18	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.2	Khá
830	803052	32	Lê Tiến Phát	15	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.4	Tbình
831	803053	32	Nguyễn Hữu Phát	12	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học		
832	803054	32	Nguyễn Tấn Phát	14	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.6	Tbình
833	803055	32	Vũ Tiến Phát	8	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.8	Tbình
834	803056	32	Bùi Nguyễn Nhật Phi	27	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.2	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
835	803057	32	Vũ Chí Phong	17	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.4	Khá
836	803058	32	Lâm Gia Phú	13	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.6	Khá
837	803059	32	Thái Văn Phú	5	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.2	Tbình
838	803060	32	Trần Nguyễn Thành Phú	21	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.0	Tbình
839	803061	32	Diệp Hoàng Phúc	7	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.8	Khá
840	803062	32	Hoàng Trần Thế Phúc	24	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.0	Khá
841	803063	32	Liêu Quý Phúc	13	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.6	Tbình
842	803064	32	Nguyễn Đức Hoàng Phúc	26	12	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	3.2	Hổng
843	803065	32	Nguyễn Hoàng Phúc	12	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.0	Khá
844	803066	32	Nguyễn Hoàng Phúc	24	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.6	Khá
845	803067	32	Nguyễn Tiến Phúc	4	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học		
846	803068	32	Phạm Trần Thiên Phúc	22	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.8	Tbình
847	803069	32	Phan Hồng Phúc	22	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.8	Khá
848	803070	32	Tiêu Kim Phụng	12	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.8	Khá
849	803071	32	Trần Bích Phụng	25	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.2	Khá
850	803072	32	Cao Huỳnh Mỹ Phương	9	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.0	Khá
851	803073	32	Dương Song Phương	21	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.4	Khá
852	803074	32	Lý Thị Thanh Phương	28	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.0	Khá
853	803075	32	Phan Thị Minh Phương	30	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.0	Khá
854	803076	32	Trần Ngọc Phương	4	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.2	Khá
855	803077	33	Trần Ngọc Phương	2	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.4	Tbình
856	803078	33	Võ Đoàn Xuân Phương	28	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.2	Khá
857	803079	33	Dương Khoa Quân	23	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.0	Tbình
858	803080	33	Ngô Thế Quân	27	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.2	Khá
859	803081	33	Nguyễn Minh Quân	12	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.0	Khá
860	803082	33	Võ Hoàng Quân	6	3	2001	Vĩnh Long	Hùng Vương	Tin học		
861	803083	33	Phạm Hồ Hoàng Quý	7	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.4	Tbình
862	803084	33	Châu Phan Nguyên Quốc	16	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.0	Khá
863	803085	33	Lương Thị Kim Quý	30	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.8	Tbình
864	803086	33	Nguyễn Cảnh Quý	1	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.4	Tbình
865	803087	33	Nguyễn Thanh Quyên	20	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.0	Khá
866	803088	33	Trịnh Trường Quyền	2	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.2	Tbình
867	803089	33	Dương Thị Ngọc Quỳnh	11	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.0	Khá
868	803090	33	Kiều Ngọc Như Quỳnh	22	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.2	Khá
869	803091	33	Nguyễn Hoàng Phương Quỳnh	16	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.4	Tbình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
870	803092	33	Nguyễn Hữu Như Quỳnh	29	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.0	Tbình
871	803093	33	Trần Nguyễn Phương Quỳnh	26	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.8	Khá
872	803094	33	Từ Hiếu San	13	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.4	Khá
873	803095	33	Phạm Ngọc Sang	17	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.0	Tbình
874	803096	33	Phạm Thị Kim Sang	13	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.4	Khá
875	803097	33	Trần Huỳnh Hồng Chí A Sanh	10	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.6	Khá
876	803098	33	Dương Trường Sơn	8	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.8	Khá
877	803099	33	Lê Phúc Tài	5	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.6	Khá
878	803100	33	Vô Hữu Tài	1	10	2003	Cần Thơ	Hùng Vương	Tin học	7.2	Khá
879	803101	33	Vương Thành Tài	4	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.6	Tbình
880	803102	33	Huỳnh Thị Thanh Tâm	8	2	2003	Vĩnh Long	Hùng Vương	Tin học	7.4	Khá
881	803103	33	Lê Thị Băng Tâm	2	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.8	Khá
882	803104	33	Lương Đỗ Mỹ Tâm	15	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.2	Tbình
883	803105	34	Nguyễn Thanh Tâm	8	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.4	Tbình
884	803106	34	Quách Thuận Tâm	3	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.6	Tbình
885	803107	34	Vô Hữu Tâm	6	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.2	Tbình
886	803108	34	Nguyễn Minh Tấn	5	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.6	Khá
887	803109	34	Nguyễn Trần Quang Thái	24	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.4	Tbình
888	803110	34	Vũ Hồ Phương Thanh	16	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.4	Khá
889	803111	34	Huỳnh Kim Thành	15	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.2	Khá
890	803112	34	Huỳnh Tuấn Thành	2	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học		
891	803113	34	Hứa Minh Thành	10	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học		
892	803114	34	Nguyễn Đình Thành	9	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.2	Khá
893	803115	34	Quách Tuấn Thành	5	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học		
894	803116	34	Đặng Phương Thảo	13	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.8	Khá
895	803117	34	Đoàn Phương Thảo	16	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.4	Khá
896	803118	34	Đỗ Nguyễn Quỳnh Như Thảo	16	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.2	Tbình
897	803119	34	Nguyễn Huỳnh Phương Thảo	19	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.2	Khá
898	803120	34	Phạm Lê Thanh Thảo	19	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.0	Khá
899	803121	34	Vũ Thanh Phương Thảo	6	10	2003	Vĩnh Long	Hùng Vương	Tin học	8.0	Khá
900	803122	34	Lê Tăng Đăng Thắng	27	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.0	Khá
901	803123	34	Ngô Quyết Thắng	11	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.2	Tbình
902	803124	34	Vũ Quang Thắng	23	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.8	Khá
903	803125	34	Phạm Nhật Thiên	2	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học		
904	803126	34	Dương Hoàng Thịnh	3	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.8	Tbình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
905	803127	34	Đặng Phúc Thịnh	1	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học		
906	803128	34	Nguyễn An Thịnh	13	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.6	Tbình
907	803129	34	Tô Dương Hưng	6	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học		
908	803130	34	Hoàng Trọng Minh	22	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.0	Tbình
909	803131	34	Võ Nguyễn Minh	25	12	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.2	Tbình
910	803132	34	Dương Hòa Thuận	17	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.6	Tbình
911	803133	35	Liêu Minh Thuận	26	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.6	Khá
912	803134	35	Nguyễn Hiếu Thuận	26	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.4	Tbình
913	803135	35	Vương Nghiệp Thuận	3	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.4	Khá
914	803136	35	Huỳnh Kiều Diễm Thúy	25	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.8	Khá
915	803137	35	Võ Huỳnh Thanh Thúy	6	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	9.0	Giỏi
916	803138	35	Phạm Phương Thùy	17	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.0	Khá
917	803139	35	Đinh Nguyễn Anh Thư	5	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	4.4	Hổng
918	803140	35	Hà Ngọc Phương Thư	8	8	2003	Khánh Hòa	Hùng Vương	Tin học	5.0	Tbình
919	803141	35	Hoàng Minh Thư	30	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.0	Tbình
920	803142	35	Hồ Nguyễn Anh Thư	14	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.0	Tbình
921	803143	35	Lương Phạm Minh Thư	4	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.0	Tbình
922	803144	35	Nguyễn Đoàn Thanh Thư	31	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.0	Tbình
923	803145	35	Nguyễn Hà Minh Thư	11	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.0	Tbình
924	803146	35	Nguyễn Minh Thư	8	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.4	Tbình
925	803147	35	Phạm Thị Minh Thư	2	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.2	Tbình
926	803148	35	Thái Tường Anh Thư	26	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.6	Khá
927	803149	35	Trần Việt Anh Thư	21	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.6	Tbình
928	803150	35	Trịnh Trần Anh Thư	11	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.2	Khá
929	803151	35	Trịnh Vũ Anh Thư	25	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.8	Khá
930	803152	35	Võ Lê Minh Thư	7	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.6	Khá
931	803153	35	Du Thị Hoài Thương	24	3	2002	Vĩnh Long	Hùng Vương	Tin học		
932	803154	35	Hoàng Nguyễn Khánh Thy	14	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.8	Tbình
933	803155	35	Nguyễn Hoàng Cát Tiên	27	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.2	Tbình
934	803156	35	Đỗ Trọng Tín	6	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.2	Khá
935	803157	35	Trần Vũ Tịnh	21	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.2	Khá
936	803158	35	Lê Quốc Toàn	10	7	2003	Quảng Ngãi	Hùng Vương	Tin học	7.8	Khá
937	803159	35	Nguyễn Bảo Toàn	15	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học		
938	803160	35	Nguyễn Song Toàn	17	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.0	Tbình
939	803161	36	Đào Ngọc Phương Trang	23	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.0	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
940	803162	36	Phan Thị Thùy Trang	19	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.8	Khá
941	803163	36	Nguyễn Hoàng Ngọc Trâm	12	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.6	Khá
942	803164	36	Nguyễn Nhựt Nữ Bích Trâm	4	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.0	Khá
943	803165	36	Đoàn Ngọc Tuyết Trân	20	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.0	Tbình
944	803166	36	Nguyễn Đoàn Bảo Trân	19	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.6	Khá
945	803167	36	Nguyễn Ngọc Trân	12	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	4.4	Hồng
946	803168	36	Phạm Ngọc Bích Trân	23	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.8	Tbình
947	803169	36	Lục Siêu Trí	8	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.2	Khá
948	803170	36	Nguyễn Minh Trí	8	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học		
949	803171	36	Phan Cao Trí	9	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.6	Tbình
950	803172	36	Phùng Nguyễn Minh Trí	15	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.8	Tbình
951	803173	36	Trần Thành Trí	14	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.2	Khá
952	803174	36	Võ Minh Trí	27	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.4	Tbình
953	803175	36	Võ Minh Trí	19	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.4	Tbình
954	803176	36	Phạm Thanh Triết	16	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học		
955	803177	36	Lê Thị Phương Trinh	15	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.4	Khá
956	803178	36	Lý Ngọc Trinh	21	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.4	Khá
957	803179	36	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	13	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.0	Khá
958	803180	36	Nguyễn Thị Thanh Trúc	4	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.8	Khá
959	803181	36	Nguyễn Thị Thanh Trúc	19	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.0	Khá
960	803182	36	Nguyễn Trịnh Thanh Trúc	23	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.8	Tbình
961	803183	36	Trần Thị Thanh Trúc	3	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	9.0	Giỏi
962	803184	36	Trần Thiện Thanh Trúc	3	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.0	Khá
963	803185	36	Phan Quang Bảo Trục	20	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.6	Tbình
964	803186	36	Trần Phạm Trung Trục	23	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.8	Tbình
965	803187	36	Tô Xuân Trường	14	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.2	Tbình
966	803188	36	Nguyễn Huy Anh Tú	3	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.0	Khá
967	803189	37	Nguyễn Thanh Tú	9	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.2	Khá
968	803190	37	Phạm Ngọc Minh Tú	5	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	9.0	Giỏi
969	803191	37	Bùi Quốc Tuấn	15	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học		
970	803192	37	Phan Hùng Vương Tuấn	3	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.0	Tbình
971	803193	37	Tạ Thái Tuấn	31	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.8	Khá
972	803194	37	Trang Mạnh Tuấn	10	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.4	Tbình
973	803195	37	Văn Công Tuấn	19	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.0	Khá
974	803196	37	Nguyễn Trần Đình Tuệ	2	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.6	Tbình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
975	803197	37	Nguyễn Trí Tuệ	13	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.8	Tbình
976	803198	37	Trần Minh Tuệ	31	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.2	Tbình
977	803199	37	Nguyễn Anh Tùng	8	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.4	Tbình
978	803200	37	Huỳnh Thị Thanh Tuyền	24	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.2	Tbình
979	803201	37	Mai Nguyễn Thanh Tuyền	12	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.0	Khá
980	803202	37	Nguyễn Thị Đức Tuyền	18	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.4	Tbình
981	803203	37	Trần Thanh Tuyền	23	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.6	Khá
982	803204	37	Bảo Quý Khánh Tường	17	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.0	Khá
983	803205	37	Bùi Ngọc Phương Uyên	3	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.6	Tbình
984	803206	37	Công Thị Thúy Vân	3	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.2	Tbình
985	803207	37	Đặng Tú Vân	18	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.2	Khá
986	803208	37	Lâm Bội Vân	28	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.2	Khá
987	803209	37	Lâm Mỹ Vân	3	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.4	Khá
988	803210	37	Nguyễn Đỗ Khánh Vân	8	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.0	Khá
989	803211	37	Nguyễn Thị Thùy Vân	3	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.0	Tbình
990	803212	37	Trịnh Quốc Thiên Vân	6	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.8	Tbình
991	803213	37	Từ Vũ Khánh Vân	19	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.0	Khá
992	803214	37	Lê Huỳnh Nhật Vi	24	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.6	Tbình
993	803215	37	Nguyễn Bảo Vi	24	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.4	Khá
994	803216	37	Huỳnh Tuấn Vĩ	23	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học		
995	803217	38	Lâm Trần Vĩ	31	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.4	Tbình
996	803218	38	Lương Thiệu Vinh	2	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.8	Khá
997	803219	38	Trần Phước Vinh	27	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.6	Khá
998	803220	38	Lâm Quốc Vĩnh	27	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học		
999	803221	38	Lương Thư Vĩnh	5	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.0	Khá
1000	803222	38	Đào Thanh Vy	22	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.4	Khá
1001	803223	38	Đặng Ngọc Thúy Vy	28	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	1.8	Hỏng
1002	803224	38	Huỳnh Ngọc Tường Vy	1	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.4	Khá
1003	803225	38	Lê Ngọc Phương Vy	16	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.0	Khá
1004	803226	38	Lê Thảo Vy	3	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.8	Tbình
1005	803227	38	Lương Yến Vy	24	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	8.4	Khá
1006	803228	38	Ngô Nhật Vy	8	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.0	Tbình
1007	803229	38	Nguyễn Thị Yến Vy	27	8	2003	Tiền Giang	Hùng Vương	Tin học		
1008	803230	38	Võ Đặng Tường Vy	15	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.0	Tbình
1009	803231	38	Lê Thị Kim Xuân	1	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	5.6	Tbình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
1010	803232	38	Nguyễn Huỳnh Như Ý	11	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.8	Khá
1011	803233	38	Nguyễn Thị Hoàng Yến	18	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	7.0	Khá
1012	803234	38	Trần Ngọc Yến	6	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Hùng Vương	Tin học	6.6	Tbình

TỔNG KẾT

Tổng số thí sinh trong danh sách:	1012
- Số thí sinh dự thi:	973
- Số thí sinh vắng:	39
- Số thí sinh hỏng:	60
- Số thí sinh đạt:	913
+ Xếp loại Giỏi:	15
+ Xếp loại Khá:	424
+ Xếp loại Tbình:	474

DUYỆT
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hiếu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 7 năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Cao Minh Quý